

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày 16-6-2021  
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Minh Út

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hải Hưng  
Ông Trịnh Hữu Hiệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Bé T, sinh năm 1984 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 3, xã T, huyện M, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Anh Trần Văn K, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 5, xã H, huyện M, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị Lê Bé T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Bé T và anh Trần Văn K tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, không quan tâm, chăm lo cho cuộc sống gia đình nên thường xuyên xảy ra cự cãi, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Quỳnh N (nữ), sinh ngày 16/7/2007 và Trần Duy Kh (nam), sinh ngày 16/4/2010. Hiện nay các con chung đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các

con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Bé T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Trần Văn K không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại văn bản ngày 09/3/2021, thể hiện: Nguyên vọng của các cháu Trần Quỳnh N và Trần Duy Kh được tiếp tục sống chung với chị Lê Bé T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Bé T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật; anh Trần Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Bé T và anh Trần Văn K tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2005. Tuy chị T và anh K xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh K không có văn bản trình bày ý kiến về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung. Trên cơ sở xem xét nguyện vọng của các con chung đều mong muốn sống chung với chị T; chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các con và đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các con chung nên giao các cháu Quỳnh N và Duy Kh cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Bé T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Lê Bé T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Lê Bé T và anh Trần Văn K là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Trần Quỳnh N (nữ), sinh ngày 16/7/2007 và Trần Duy Kh (nam), sinh ngày 16/4/2010 cho chị Lê Bé T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Bé T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí sơ thẩm: Chị Lê Bé T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 04 tháng 3 năm 2021, chị Lê Bé T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006210 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Chị Lê Bé T và anh Trần Văn K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Dương Minh Út**